

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC

**Nguyễn Minh Tuấn**

*Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ*

Ngày nhận bài 11/3/2019, ngày nhận đăng 7/5/2019

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích và làm rõ thực trạng phát triển đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật ở các trường đại học vùng đồng bằng sông Cửu Long theo tiếp cận năng lực. Công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động mạnh mẽ đến việc đảm bảo chất lượng trong giáo dục và đào tạo, đặc biệt là đào tạo các ngành kỹ thuật nhằm cung cấp cho thị trường lao động đội ngũ công nhân kỹ thuật chất lượng cao. Điều đó đã đặt ra cho các nhà lãnh đạo, quản lý giáo dục tại các trường đại học cần có chiến lược, chính sách phát triển mạnh năng lực của đội ngũ giảng viên, nhất là giảng viên khối ngành kỹ thuật đáp ứng được các yêu cầu tuyển dụng, sử dụng nhân lực kỹ thuật của xã hội, của các nhà tuyển dụng. Vùng đồng bằng sông Cửu Long không nằm ngoài sự phát triển này nên việc nghiên cứu làm rõ thực trạng phát triển đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật ở các trường đại học sẽ giúp định hướng và tìm ra các giải pháp phù hợp, đạt hiệu quả, khả thi cho công tác quản lý này.

### 1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn hiện nay, công tác phát triển đội ngũ giảng viên (ĐNGV) ở các trường đại học (ĐH) đang rất được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Ngày 18/1/2019 Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định “Phê duyệt đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030” trong đó nêu rõ quan điểm “Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học cần được coi trọng vì đây là yếu tố quyết định chất lượng giáo dục đại học” [2].

Vùng đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) có một vị thế quan trọng trong nền kinh tế - xã hội của cả nước. Tuy nhiên, hiện nay giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) của vùng vẫn còn bị xem là “vùng trũng” do tỷ lệ học ĐH trở lên còn thấp nhất cả nước (5,5%), tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ đạt 12,2%, tỷ lệ lao động không có chuyên môn kỹ thuật chiếm tới 87,8%. Điều này cho thấy chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật ở vùng ĐBSCL đáng báo động và rất cần có giải pháp để giải quyết thực trạng này. Hiện nay, vùng ĐBSCL có 17 trường ĐH, dự kiến đến năm 2020 sẽ thành lập thêm 03 trường, nâng tổng số lên 20 trường đại học. Yêu cầu đổi mới của giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam và thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao. Số liệu điều tra của Tổng cục thống kê cho thấy các trường ĐH, nhất là các trường ĐH có đào tạo các khối ngành kỹ thuật ở vùng ĐBSCL cần phấn đấu nhiều hơn để phát triển nhanh về các mặt: chất lượng đào tạo, qui mô đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, huy động nguồn lực tài chính lớn để tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của

tình hình mới. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính cấp bách đối với đội ngũ làm công tác quản lý về phát triển ĐNGV nói chung và phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL nói riêng.

## **2. Đánh giá thực trạng phát triển đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật ở các trường đại học vùng đồng bằng sông Cửu Long theo tiếp cận năng lực**

Chúng tôi đã tiến hành điều tra, khảo sát các nhóm đối tượng: 145 cán bộ quản lý (CBQL); 580 GV; 1550 SV; 300 SV đã tốt nghiệp của 08 trường ĐH vùng ĐBSCL (Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ, Trường Đại học An Giang, Trường Đại học Kiên Giang, Trường Đại học Tiền Giang, Trường Đại học Bạc Liêu, Trường Đại học Trà Vinh, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long).

Phương pháp nghiên cứu thực trạng được thực hiện thông qua các phiếu khảo sát lấy ý kiến dựa vào các bảng hỏi và phỏng vấn trực tiếp các nhóm đối tượng trên.

### **2.1. Thực trạng về đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật ở các trường đại học vùng đồng bằng sông Cửu Long theo tiếp cận năng lực**

#### **2.1.1. Đặc điểm đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật ở các trường đại học vùng đồng bằng sông Cửu Long**

ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau: từ các trường ĐH SPKT, các trường ĐH khoa học tự nhiên, các trường ĐH khác... Có một số GV được đào tạo từ công nhân kỹ thuật sau đó học ĐH hệ tại chức để nâng chuẩn bằng cấp lên ĐH... Do nguồn đào tạo đa dạng nên các năng lực về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ sư phạm kỹ thuật, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực quan hệ liên kết với doanh nghiệp... có sự không đồng đều giữa các GV. ĐNGV giữa các ngành đào tạo chưa đồng bộ về mặt số lượng và cơ cấu. Một số ngành đào tạo vẫn còn thiếu GV có trình độ cao.

Với những đặc điểm đó, khi xem xét các khía cạnh để phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL theo tiếp cận năng lực cần phân tích, nghiên cứu cụ thể thực trạng năng lực của ĐNGV và thực trạng quản lý phát triển ĐNGV nhằm tìm ra giải pháp hiệu quả cho quản lý việc phát triển này.

#### **2.1.2. Về số lượng, giới tính và độ tuổi đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật**

ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL đang có một cơ cấu độ tuổi tương đối hợp lý, với 78,0% GV có độ tuổi từ 31-50 (48,5% ở độ tuổi 31 - 40, 29,5% ở độ tuổi 41-50). Đây là độ tuổi không quá trẻ, đã có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tương đối cao, kinh nghiệm công tác giảng dạy được tích lũy khá nhiều. Đặc biệt, đây là lứa tuổi đang hăng hái và nhiệt huyết, không sợ đối mặt với công nghệ tiên tiến, hiện đại; khả năng thích ứng cái mới và tiếp thu công nghệ mới nhanh. Tuy nhiên, ở lứa tuổi này, thông thường GV chưa có học hàm, học vị cao và kinh nghiệm thực tiễn vẫn còn ở mức độ nhất định. Về giới tính, tỉ lệ nam - nữ càng cân đối sẽ càng thuận lợi cho việc phát triển ĐNGV. Tuy nhiên, do đặc thù của các ngành khối kỹ thuật nên tỷ lệ GV nữ thường chiếm ít hơn so với GV nam. Kết quả khảo sát cho thấy cơ cấu 60,6% nam - 39,4% nữ. Tỷ lệ GV khối ngành kỹ thuật có thâm niên công tác từ 10 năm đến 20 năm chiếm đa số. Đây là một lợi thế lớn của các trường ĐH vùng ĐBSCL, vì với thâm niên công tác này, ĐNGV khối ngành kỹ thuật đã vững vàng về trình độ chuyên môn nghề

ng nghiệp, đồng thời cũng có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật, công nghệ tương đối tốt. So với GV có tuổi nghề còn quá trẻ hoặc GV có nhiều năm kinh nghiệm nhưng sức khỏe và sự nhạy bén trong tiếp thu kiến thức mới đã phần nào bị hạn chế, thì thâm niên từ 10 đến 20 năm là giai đoạn tốt nhất để phát triển sự nghiệp, đảm bảo chất lượng giảng dạy khối ngành kỹ thuật, theo kịp với những biến đổi nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là giai đoạn bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 như hiện nay.

### 2.1.3. Cơ cấu trình độ đào tạo và chuyên môn - nghiệp vụ

Kết quả khảo sát cho thấy, cơ cấu trình độ của ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH vùng ĐBSCL tương đối hợp lý, với tỷ lệ GV có trình độ thạc sĩ chiếm đa số (68,6%), ĐNGV khối ngành kỹ thuật có trình độ từ tiến sĩ trở lên chiếm 16,7% (trong đó 0,1% GS; 1,2% PGS; 15,4% TS). Tuy nhiên, ĐNGV khối ngành kỹ thuật có trình độ cao tập trung chủ yếu ở Trường ĐH Cần Thơ và Trường ĐHSPT Vĩnh Long. Đồng thời, với tỉ lệ 1,3% giáo sư, phó giáo sư và có tới 14,7% GV có trình độ đại học, đòi hỏi các trường ĐH vùng ĐBSCL cần phải tiếp tục phấn đấu để nâng cao tỉ lệ GV khối ngành kỹ thuật có học hàm, học vị cao, phấn đấu 100% GV đạt trình độ thạc sĩ. Trong công tác đào tạo của các ngành khối kỹ thuật, một số trường ĐH vùng ĐBSCL có cơ chế, chính sách mời các nhà khoa học, cán bộ, GV có trình độ cao (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ), các chuyên gia đầu ngành về tham gia công tác giảng dạy, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật, tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) giúp GV trẻ có cơ hội để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Tuy nhiên, số lượng GV trình độ cao thuộc khối ngành kỹ thuật được mời thỉnh giảng còn quá ít, thường chỉ tập trung ở các trường ĐH lớn, được thành lập lâu năm, còn những trường ĐH mới thành lập còn hạn chế về ngành đào tạo và ngân sách chi cho việc thỉnh giảng còn hạn hẹp nên việc thỉnh giảng không nhiều. Dự kiến đến năm 2020, các trường sẽ tăng ngành đào tạo và quy mô đào tạo thuộc khối kỹ thuật, do đó các trường dự báo sẽ tăng số lượng ĐNGV khối ngành kỹ thuật.

### 2.1.4. Cơ cấu trình độ nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ của ĐNGV khối ngành kỹ thuật

*Về nghiệp vụ sư phạm:* Kết quả khảo sát cho thấy có khoảng 33,8% GV khối ngành kỹ thuật được đào tạo ở các trường ĐH sư phạm kỹ thuật, 3,0% tốt nghiệp cao đẳng sư phạm kỹ thuật và học lên ĐH khối ngành kỹ thuật, khoảng 45,8% có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy CĐ, ĐH. Khoảng 17,4% GV khối ngành kỹ thuật được đào tạo ở các trường ĐH khác và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bậc 2 (đối với các GV đã tốt nghiệp tại trường ĐH SPKT từ năm 2007 trở về trước), chứng chỉ NVSP dạy nghề. Như vậy, so với trình độ chuyên môn thì trình độ NVSP của ĐNGV khối ngành kỹ thuật của các trường ĐH vùng ĐBSCL còn yếu so với yêu cầu chuẩn GV ĐH hiện nay. Điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giảng dạy của ĐNGV khối ngành kỹ thuật. Theo yêu cầu chuẩn về NVSP của GV các trường ĐH công lập thì GV phải có chứng chỉ NVSP dạy CĐ, ĐH. Do đó, trong thời gian tới, các trường ĐH vùng ĐBSCL cần chuẩn hóa đạt 100% ĐNGV khối ngành kỹ thuật có chứng chỉ NVSP dạy CĐ, ĐH.

*Về trình độ ngoại ngữ:* Kết quả khảo sát cho thấy, số ĐNGV khối ngành kỹ thuật có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ ĐH, trên ĐH hoặc đạt chuẩn quốc tế còn rất ít (1,6% có chứng chỉ IELTS 600/TOEFT 550; 3,6% có trình độ đại học ngoại ngữ). Tuy nhiên, số GV khối kỹ thuật có chứng chỉ B1 chiếm 53,7% do đa số GV có trình độ thạc sĩ, có

chứng chỉ B2 chủ yếu đối với GV có trình độ tiến sĩ trở lên. Bên cạnh đó, GV có chứng chỉ ngoại ngữ A, B, C (từ năm 2015 trở về trước) và các chứng chỉ khác chiếm 28,5%. Số liệu thống kê cho thấy trình độ ngoại ngữ của ĐNGV khối ngành kỹ thuật vẫn hạn chế, cần đào tạo, bồi dưỡng (ĐTBD) thêm về ngoại ngữ chuyên ngành kỹ thuật cho đội ngũ này.

*Về tin học:* Kết quả khảo sát cho thấy đại đa số GV khối kỹ thuật chỉ có chứng chỉ tin học (chiếm 57,7%). Tỷ lệ GV được đào tạo tin học ở trình độ từ cao đẳng trở lên còn rất hạn chế: 8,2% GV có trình độ cao đẳng, 6,8% có trình độ ĐH, 27,3% có trình độ sau ĐH (chủ yếu là GV của các khoa công nghệ thông tin). Trình độ tin học của ĐNGV khối ngành kỹ thuật của các trường ĐH vùng ĐBSCL còn hạn chế so với yêu cầu sử dụng và thực hiện phương tiện giảng dạy liên quan đến công nghệ thông tin. Điều này đòi hỏi các trường ĐH cần tăng cường ĐTBD về tin học cho đội ngũ này.

#### *2.1.5. Năng lực sư phạm kỹ thuật*

Kết quả khảo sát cho thấy, các tiêu chí của năng lực sư phạm kỹ thuật đều được đánh giá ở điểm trung bình từ 2,34 đến 2,78. Nhìn chung, năng lực sư phạm kỹ thuật của ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH vùng ĐBSCL đều ở mức khá. Trong đó, nổi trội là các năng lực sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp sư phạm và xây dựng, biên soạn bộ công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. Đối với khối ngành kỹ thuật, trong quá trình giảng dạy, GV chủ yếu sử dụng ngôn ngữ, thuật ngữ chuyên ngành, có tính học thuật, khoa học, chính xác và logic cao. Việc xây dựng bộ công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đều dựa trên kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ giải quyết vấn đề kỹ thuật của SV. GV khối ngành kỹ thuật đã thực hiện tốt công việc này nhằm đánh giá chính xác năng lực của SV. Bên cạnh đó, theo kết quả đánh giá, ở một số tiêu chí, ĐNGV khối ngành kỹ thuật còn gặp nhiều hạn chế như: Chuẩn bị phương tiện dạy học; Sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học; Hướng dẫn SV thực hiện khóa luận sau khi đi thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV... Một số ngành kỹ thuật gặp khó khăn trong việc xây dựng thiết bị đào tạo tự làm để dùng làm phương tiện dạy học. Việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực và phương tiện dạy học hiện đại cũng khá khó khăn do thiếu trang thiết bị và do số lượng SV ở mỗi lớp khá cao so với tiêu chuẩn khoảng 20 SV/lớp.

#### *2.1.6. Năng lực chuyên môn kỹ thuật và kỹ năng nghề*

Kết quả khảo sát cho thấy, ĐNGV khối ngành kỹ thuật của các trường ĐH vùng ĐBSCL đạt mức tốt ở các năng lực: Khả năng cập nhật kiến thức chuyên môn và thông tin, kỹ thuật (điểm TB đạt 3,13); Thành thạo các kỹ năng nghề của lĩnh vực chuyên môn và thường xuyên cập nhật các kỹ năng nghề mới trong chuyên môn kỹ thuật (3,08). Bên cạnh đó, các năng lực còn hạn chế bao gồm: Hiểu biết thực tiễn và khả năng liên hệ, vận dụng vào hoạt động dạy học, NCKH (2,60); Tổ chức các quá trình công nghệ, tổ chức sản xuất, quản lý kỹ thuật công nghệ (2,57); Giải quyết các vấn đề phát sinh trong sản xuất, nghiên cứu vận dụng các kỹ thuật công nghệ mới (2,41). Theo kết quả phỏng vấn sâu về những vấn đề này, CBQL các trường ĐH vùng ĐBSCL đều cho rằng: ĐNGV khối ngành kỹ thuật có kiến thức và kỹ năng chuyên môn khá tốt, tuy nhiên điểm yếu là khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn kỹ thuật vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, khả năng tiếp cận với thực tế sản xuất, tiếp cận với công nghệ sản xuất mới để đưa vào giảng dạy và NCKH, khả năng tổ chức các quá trình công nghệ, quản lý kỹ thuật công nghệ và

giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn sản xuất còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp sự thay đổi nhanh chóng của các quy trình công nghệ sản xuất trong thực tiễn. Đây cũng là vấn đề cần tập trung giải quyết, từ việc bồi dưỡng đến tập huấn, trao đổi GV giữa các trường ĐH vùng ĐBSCL với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, với các trường ĐH trong và ngoài nước cho ĐNGV khối ngành kỹ thuật của các trường ĐH vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

#### *2.1.7. Năng lực phát triển chương trình và nguồn học liệu*

Kết quả khảo sát cho thấy năng lực phát triển và thực hiện chương trình đào tạo của ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH vùng ĐBSCL ở mức độ khá, với điểm trung bình các tiêu chí từ 2,10 đến 2,65. Trong đó, tiêu chí tổ chức thẩm định chương trình đào tạo, thực hiện và hướng dẫn triển khai chương trình đào tạo theo đúng quy định và định hướng nghề nghiệp ứng dụng được đánh giá cao nhất, với điểm trung bình 2,65. Các tiêu chí được đánh giá thấp là hợp tác với các doanh nghiệp, nhà khoa học trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; thiết kế và sử dụng thành thạo các công cụ đánh giá chương trình đào tạo. Năng lực biên soạn nguồn học liệu của ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH vùng ĐBSCL ở mức độ khá, với điểm trung bình các tiêu chí từ 2,85 đến 2,84.

#### *2.1.8. Năng lực nghiên cứu khoa học*

Kết quả khảo sát cho thấy, các năng lực cụ thể về NCKH của ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình các tiêu chí từ 2,18 đến 2,87. Được đánh giá ở mức thấp nhất, với điểm trung bình 1,96 là tiêu chí Triển khai kết quả nghiên cứu (NC) và chuyển giao kết quả NC cho các bên cần sử dụng. Một số tiêu chí được đánh giá cao như: Phân tích, tổng hợp, đánh giá kết quả NC; Thu thập và xử lý số liệu, thông tin trong NC; Phối hợp, cộng tác, tổ chức NC. Một số tiêu chí đánh giá ở mức độ yếu như: Tổ chức hội thảo KH, phản biện các công trình KH; Viết giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo và các bài báo khoa học; Tiến hành các bước thực hiện quá trình NC của đề tài thuộc khối ngành kỹ thuật; Triển khai kết quả NC và chuyển giao kết quả NC cho các bên cần sử dụng. Điều này cho thấy năng lực nghiên cứu khoa học của ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH vùng ĐBSCL chưa được đánh giá cao.

#### *2.1.9. Năng lực quan hệ với doanh nghiệp*

Kết quả khảo sát cho thấy, năng lực quan hệ với doanh nghiệp của ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH vùng ĐBSCL được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình các tiêu chí từ 2,15 đến 2,24. Trong đó, tiêu chí Thiết lập mối quan hệ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ được đánh giá cao nhất (2,24). Trong thời gian tới, các trường cần ký kết thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn về kết hợp xây dựng chương trình ĐT, biên soạn giáo trình và nguồn học liệu, kết hợp giảng dạy thực hành và thực tập sản xuất, đồng thời liên kết về NCKH và chuyển giao công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực khối ngành kỹ thuật, nâng cao năng lực ĐNGV và khẳng định thương hiệu của các trường ĐH vùng ĐBSCL trong cộng đồng doanh nghiệp và xã hội.

### **2.1.10. Năng lực phát triển nghề nghiệp**

Kết quả khảo sát cho thấy, các tiêu chí của năng lực phát triển nghề nghiệp của ĐNGV khối ngành kỹ thuật đạt mức độ khá, với điểm trung bình các tiêu chí từ 2,53 đến 2,83. Trong đó, các tiêu chí được đánh giá cao bao gồm: Khả năng tư vấn, giúp đỡ, hỗ trợ đồng nghiệp trong phát triển nghề nghiệp; Tự lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp, kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người GV khối ngành kỹ thuật. Các tiêu chí được đánh giá yếu là: Năng lực tự đánh giá phát triển nghề nghiệp chuyên môn của bản thân GV khối ngành kỹ thuật; Sử dụng ngoại ngữ phục vụ hoạt động phát triển nghề nghiệp. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với việc thống kê trình độ ngoại ngữ của ĐNGV. Do đó, các trường cần tập trung phát triển trình độ ngoại ngữ của ĐNGV, đặc biệt là ngoại ngữ chuyên ngành kỹ thuật.

## **2.2. Thực trạng công tác phát triển đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật các trường đại học vùng đồng bằng sông Cửu Long theo tiếp cận năng lực**

### **2.2.1. Nhận thức của các cấp quản lý về phát triển đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật**

Kết quả khảo sát nhận thức của CBQL về mức độ quan trọng của việc phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH như sau: Rất quan trọng: 52,3%; ít quan trọng: 27,3%; không quan trọng: 20,4%. Theo kết quả phỏng vấn, một số CBQL cho rằng việc phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL hiện nay rất cần thiết và quan trọng vì việc phát triển này phù hợp với việc phát triển các ngành đào tạo thuộc khối kỹ thuật. Đây cũng là xu thế phát triển chung của thế giới và Việt Nam trong giai đoạn hiện nay trước sự bùng nổ của công nghệ thông tin, sự phát triển của KH, kỹ thuật và công nghệ. Tuy nhiên, một số khác cho rằng lợi thế của vùng ĐBSCL là phát triển nông nghiệp cho nên các trường ĐH cần chú trọng phát triển ĐNGV thuộc các khối ngành nông nghiệp, thủy hải sản, do đó việc phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL ít cần thiết và không quan trọng. Với nhận thức này, lãnh đạo các trường cần quan tâm và có hướng giải pháp nhằm nâng cao nhận thức về sự cần thiết và tầm quan trọng của việc phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH vùng ĐBSCL theo tiếp cận năng lực.

### **2.2.2. Thực trạng về qui hoạch và tuyển dụng đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật theo tiếp cận năng lực**

Kết quả khảo sát cho thấy hiện nay đội ngũ cán bộ, GV đều nhận thấy sự cần thiết của việc thực hiện các nội dung quy hoạch ĐNGV. Trong đó, CBQL, GV cho rằng phân tích hiện trạng ĐNGV là cần thiết nhất vì cần phải biết thực trạng và nhu cầu thì mới có thể thực hiện việc xây dựng kế hoạch quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch và đánh giá kế hoạch quản lý phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH. Tuy nhiên, CBQL, GV chưa quan tâm nhiều đến việc phổ biến kế hoạch tới toàn thể ĐNGV, công chức, viên chức trong nhà trường, đồng thời dự báo nhu cầu nguồn lực ĐNGV khối ngành kỹ thuật. Đây cũng là hai nội dung hết sức cần thiết trong công tác quy hoạch ĐNGV khối ngành kỹ thuật. Trong quá trình xây dựng quy hoạch ĐNGV, cần mở rộng dân chủ, thu hút sự tham gia đóng góp rộng rãi ý kiến của CBQL, công chức, viên chức, GV của nhà trường, để họ có cái nhìn tổng quát, đầy đủ hơn và huy động sự tham gia của toàn thể CB,

công chức, viên chức, GV trong việc thực hiện kế hoạch phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật.

Về công tác tuyển dụng, các tiêu chí đều được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình từ 2,49 đến 2,77. Một số tiêu chí được đánh giá cao như: Tổ chức tuyển dụng theo kế hoạch; Sử dụng phương thức xét tuyển, thi tuyển công khai theo các tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng. Tuy nhiên, cũng có một số tiêu chí được đánh giá khá thấp như: Số lượng tuyển dụng với nhu cầu vị trí công việc GV khối ngành kỹ thuật; Xây dựng quy trình tuyển dụng; Xây dựng chuẩn tuyển dụng GV (tập trung vào chuẩn năng lực). Điều này cho thấy, công tác tuyển dụng GV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL trên thực tế vẫn chưa xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn năng lực của GV khối ngành kỹ thuật theo tiếp cận năng lực.

### 2.2.3. Thực trạng về bố trí, sử dụng đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật

Kết quả khảo sát cho thấy, công tác bố trí, sử dụng ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL được thực hiện tương đối tốt. Lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện quản lý và sử dụng ĐNGV đáp ứng yêu cầu đào tạo các ngành kỹ thuật. Đa số GV đều được phân công giảng dạy đúng chuyên ngành đào tạo và được bố trí đều ở các khoa, bộ môn, phát huy tốt năng lực trong giảng dạy, NCKH, ứng dụng CNTT vào bài giảng. Tuy nhiên, qua phỏng vấn, một số ý kiến cho rằng: Việc bố trí, sử dụng ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở một số trường ĐH vẫn chưa thật sự phù hợp, nhiều khoa còn xảy ra tình trạng thừa GV, thiếu tiết dạy do số lượng SV giảm. Một số GV chưa được bố trí đúng năng lực, đặc biệt thiếu ĐNGV có trình độ cao. Đây cũng là vấn đề các trường ĐH vùng ĐBSCL cần quan tâm.

### 2.2.4. Thực trạng về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật

Kết quả khảo sát cho thấy công tác đào tạo, bồi dưỡng ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL được đánh giá ở mức khá và tốt, với điểm trung bình từ 2,10 đến 3,06 với các tiêu chí: Đánh giá ở mức cao: ĐTBD lý luận chính trị, hành chính; Xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình ĐTBD nhằm phát triển các năng lực cho ĐNGV khối ngành kỹ thuật... Một số tiêu chí được đánh giá ở mức thấp như: BD về quản lý đánh giá điều chỉnh kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; BD năng lực phát triển nghề nghiệp; BD năng lực quan hệ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Kết quả cho thấy các trường đều quan tâm đến công tác ĐTBD lý luận chính trị, hành chính theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước về công tác quản lý, chuẩn hóa cán bộ. Đồng thời, việc xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình ĐTBD nhằm phát triển các năng lực cho ĐNGV khối ngành kỹ thuật cũng rất cần thiết. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các trường ĐH vùng ĐBSCL vẫn chưa chú trọng, quan tâm đúng mức về việc BD năng lực quan hệ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; năng lực phát triển nghề nghiệp... Đây là những năng lực quan trọng, các trường ĐH nên có kế hoạch cụ thể và đẩy mạnh công tác bồi dưỡng những năng lực này.

### 2.2.5. Thực trạng về kiểm tra, đánh giá phát triển đội ngũ giảng viên khối ngành kỹ thuật theo tiếp cận năng lực

Theo kết quả khảo sát, việc đánh giá ĐNGV khối ngành kỹ thuật được thực hiện ở mức khá tốt, với điểm trung bình các tiêu chí từ 2,52 đến 3,05. Nhìn chung, công tác kiểm tra, đánh giá của các trường ĐH vùng ĐBSCL được thực hiện qua các nội dung: 1)

Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, đánh giá và lịch kiểm tra của trường và của khoa, tổ bộ môn trong từng học kỳ và cả năm học để GV biết và thực hiện. Kế hoạch đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, thời gian, phương pháp kiểm tra, đánh giá. 2) Ban giám hiệu chỉ đạo phòng đào tạo; phòng khảo thí và kiểm định chất lượng; Ban Thanh tra nhân dân, Công đoàn, Đoàn thanh niên phối hợp thực hiện việc kiểm tra, đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hồ sơ chuyên môn, sổ giáo viên của GV. 3) Tổng hợp ý kiến phiếu đánh giá hoạt động giảng dạy, là cơ sở để đánh giá chất lượng và trình độ của ĐNGV nói chung, ĐNGV khối ngành kỹ thuật nói riêng, đề xuất ĐTBĐ từng GV khối ngành kỹ thuật để nâng cao năng lực công tác chuyên môn kỹ thuật. Đồng thời, kết quả kiểm tra, đánh giá cũng được thể hiện trong bình xét thi đua năm học.

#### *2.2.6. Thực trạng thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc*

Kết quả khảo sát cho thấy, các tiêu chí được đánh giá ở mức khá tốt, điều này thể hiện CBQL và GV đều nhận thấy việc thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc rất quan trọng. Thực tế, việc xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách thu hút GV, nhất là GV khối ngành kỹ thuật là một trong những nhiệm vụ quan trọng đầu tiên để các trường ĐH vùng ĐBSCL phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật có chất lượng, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay. Nhận thức được điều này sẽ giúp các trường ĐH vùng ĐBSCL xây dựng và thực hiện được những chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút GV từ nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt là thu hút GV trình độ cao, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo các ngành kỹ thuật của nhà trường.

*Tóm lại*, nhìn chung thực trạng phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH vùng ĐBSCL theo tiếp cận năng lực hiện nay tương đối hợp lý. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục như: Tỷ lệ GV có học hàm, học vị chưa cao; trình độ ngoại ngữ, tin học còn nhiều hạn chế, số lượng GV thỉnh giảng có trình độ cao các trường ĐH vùng ĐBSCL còn ít. Nhiều GV khối ngành kỹ thuật chưa tiếp cận được các phương pháp dạy học hiện đại, thiếu kiến thức thực tiễn, năng lực của một số GV khối ngành kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu; Số lượng GV được đào tạo sư phạm trình độ đại học kỹ thuật chính quy rất hạn chế, phần lớn các GV được BD qua các lớp bồi dưỡng sư phạm cấp chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm; Năng lực NCKH thể hiện trong hoạt động NCKH của ĐNGV khối ngành kỹ thuật còn yếu so với yêu cầu đặt ra, rất ít các công trình khoa học có quy mô lớn, có khả năng ứng dụng thực tiễn cao, số lượng các công trình NCKH được đăng tải trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế không nhiều; Công tác quy hoạch ĐNGV khối ngành kỹ thuật theo tiếp cận năng lực hiện nay chưa được xây dựng thống nhất, chưa tường minh tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp gắn với nhiệm vụ chức danh GV. Việc tuyển dụng GV theo qui trình hành chính còn mang tính nhất thời, ít có sự phân cấp cho các khoa, bộ môn, chưa theo yêu cầu mô tả nhiệm vụ của khung năng lực, chưa đánh giá được năng lực của các ứng viên; Việc bố trí, sử dụng GV khối ngành kỹ thuật ở một số trường ĐH vùng ĐBSCL còn chưa thật sự phù hợp, nhiều khoa còn xảy ra tình trạng thừa GV, thiếu tiết dạy do số lượng SV giảm. Một số GV khối ngành kỹ thuật chưa được bố trí đúng năng lực, thiếu ĐNGV kỹ thuật có trình độ cao; Việc đào tạo bồi dưỡng phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật còn mang tính hình thức, số lượng đại trà theo chuyên đề, chưa thực sự tập trung phát triển năng lực của ĐNGV kỹ thuật. Phần lớn các trường chưa có kế hoạch đào tạo dài hạn, thiếu chủ động và chưa tận dụng thời cơ.



Thực trạng trên cho thấy một bức tranh toàn cảnh về năng lực của ĐNGV khối ngành kỹ thuật ở các trường ĐH vùng ĐBSCL theo tiếp cận năng lực còn nhiều hạn chế, công tác quản lý nhằm thúc đẩy phát triển đội ngũ này theo tiếp cận năng lực vẫn còn nhiều bất cập, chậm đổi mới, chưa đáp ứng nhu cầu về đào tạo lực lượng kỹ thuật chất lượng cao cho địa phương nói riêng, cho toàn vùng nói chung. Do đó, rất cần có định hướng giải quyết vấn đề này.

### 3. Kết luận

Việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng năng lực và phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật vùng ĐBSCL theo tiếp cận năng lực cho thấy thời gian qua đã có những tiến bộ đáng kể trong việc nâng cao năng lực cho đội ngũ này. Tuy nhiên, trong tình hình mới hiện nay thì năng lực của ĐNGV khối ngành kỹ thuật trên các mặt vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo nhân lực kỹ thuật chất lượng cao. Thực trạng cho thấy ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH vùng ĐBSCL còn những mặt hạn chế, cần được khắc phục về: Số lượng và tỷ lệ GV có học hàm, học vị; Trình độ ngoại ngữ, tin học; Quản lý phát triển ĐNGV từ lập kế hoạch, đào tạo bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng đến kiểm tra đánh giá. Đặc biệt, chưa có khung năng lực để làm nền tảng cho việc tuyển dụng, sử dụng và đánh giá năng lực ĐNGV khối ngành kỹ thuật phù hợp với sự thay đổi trong bối cảnh mới. Thực trạng trên cho thấy cần phải có những giải pháp hiệu quả giúp các nhà quản lý làm tốt công tác phát triển ĐNGV khối ngành kỹ thuật các trường ĐH vùng ĐBSCL theo tiếp cận năng lực.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Quốc Bảo, Đỗ Quốc Anh, Đinh Thị Kim Thoa (2007), *Cẩm nang nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ giáo viên*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [2] Chính phủ (2019), *Quyết định Số: 89/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030*, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thế Dân (2016), *Phát triển đội ngũ giảng viên các trường đại học sư phạm kỹ thuật theo hướng tiếp cận năng lực*, Luận án tiến sĩ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Trần Khánh Đức (2011), *Một số vấn đề phát triển đội ngũ giảng viên đại học trong xã hội hiện đại*, Tạp chí Giáo dục, số 260.
- [5] Đặng Bá Lâm (2012), *Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

## **SUMMARY**

### **THE REALITY OF THE DEVELOPMENT OF TEACHERS IN ENGINEERING SECTOR AT MEKONG DELTA UNIVERSITIES ACCORDING TO THE CAPACITY APPROACH**

The article studies, analyzes and clarifies the status of the development of teaching staff in the engineering sector at universities in the Mekong Delta region according to capacity approach. The implementation of “Comprehensive fundamental education reform” and the fourth industrial revolution have considerably affected quality assurance in education and training, especially, in technical training fields to provide the labor market with high-quality technical workers. This requires leaders and education managers at universities to adopt strategies and policies to strongly develop necessary competencies of faculty, especially technical lecturers to meet the recruiting requirements and the employment of technical human resources. The Mekong Delta region is not excluded from this development, so the research on the current status of the development of technical staff at universities will help with direction and find appropriate, effective and feasible solutions for this management.